

TIẾP CẬN BẢO HỘ DỮ LIỆU CÁ NHÂN TỪ CƠ CHẾ QUYỀN TÁC GIẢ

■ TS. NGUYỄN NHƯ HÀ* & ĐẶNG MINH PHƯƠNG**

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, đánh giá dữ liệu cá nhân dưới góc độ quyền sở hữu trí tuệ, từ đó, gợi mở một số khuyến nghị chính sách.

Từ khóa: Dữ liệu cá nhân; quyền sở hữu trí tuệ; quyền tác giả.

Nhận bài: 10/8/2024

Hoàn thành biên tập: 28/8/2024

Duyệt đăng: 04/9/2024

Abstract: The research focuses to evaluate and analyze personal data from the perspective of intellectual property rights, thereby suggesting some policy recommendations.

Keyword: Personal data; intellectual property right; copyright.

Article received: 10/8/2024

Editing completed: 28/8/2024

Approved for publication: 04/9/2024

1. Đặt vấn đề

Dữ liệu nói chung, dữ liệu cá nhân nói riêng và khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu tạo nên “huyết mạch” quan trọng của kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu cá nhân mang những đặc trưng gắn liền với quyền riêng tư của con người trong xã hội, đồng thời chứa đựng những giá trị đem lại lợi ích vật chất cho chủ thể nắm giữ. Để hài hòa hai yếu tố này, bài nghiên cứu hướng đến mục tiêu đánh giá, phân tích dữ liệu cá nhân dưới góc độ quyền sở hữu trí tuệ, từ đó, gợi mở một số khuyến nghị chính sách.

2. Dữ liệu cá nhân và những thách thức đặt ra

2.1. Khái quát chung về dữ liệu cá nhân

Dữ liệu cá nhân và bảo vệ dữ liệu cá nhân không phải là vấn đề mới phát sinh mà đã được các nhà quản lý quan tâm kể từ những năm của thập niên 90 khi Chính phủ nhận ra một lượng lớn dữ liệu đã được thu thập trong các sổ đăng ký khác nhau¹ và việc sử dụng dữ liệu thương mại dần trở nên phổ biến. Cho đến khi cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 bắt đầu bùng nổ mạnh mẽ trên toàn thế giới, các công nghệ đột phá như trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), in 3D (3D printing) và đặc biệt là dữ liệu lớn (big data) cùng điện

toán đám mây (cloud computing) đã khiến dữ liệu cá nhân trở thành mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia. Đến thời điểm hiện tại, đã có hơn 110 quốc gia và vùng lãnh thổ ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân² và Việt Nam cũng không ngoại lệ khi ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân (Nghị định số 13/2023/NĐ-CP).

Theo Quy định Bảo vệ dữ liệu chung 2016/679 (GDPR) của Liên minh châu Âu, “dữ liệu cá nhân nghĩa là bất kỳ thông tin nào liên quan đến một cá nhân xác định hoặc có thể xác định (được gọi là chủ thể dữ liệu); cá nhân có thể xác định thông qua trực tiếp hoặc gián tiếp, bằng cách tham chiếu đến một số nhận dạng như tên, số định danh, dữ liệu vị trí, số tài khoản trực tuyến mà những dữ liệu này liên quan đến một hoặc nhiều yếu tố cụ thể về thể chất, sinh lý, di truyền, tư tưởng, kinh tế, văn hóa hoặc xã hội của cá nhân đó”³.

Khoản 1 Điều 2 Đạo luật Bảo vệ thông tin cá nhân Nhật Bản⁴ định nghĩa “thông tin cá nhân” là thông tin liên quan đến một cá nhân còn sống thuộc: (i) Thông tin chứa tên, ngày sinh hoặc thông tin nhận dạng khác

hoặc thông tin tương đương được tạo bằng văn bản, ghi âm, âm thanh hoặc chuyển động hoặc các phương tiện khác, trong tài liệu, bản vẽ hoặc điện tử hoặc bản ghi từ tính (bao gồm bản ghi được tạo ở dạng điện tử hoặc từ tính (có nghĩa là dạng điện tử, dạng từ tính hoặc bất kỳ dạng nào khác mà giác quan của con người không thể cảm nhận được) có thể được sử dụng để nhận dạng một cá nhân cụ thể (điều này bao gồm mọi thông tin có thể dễ dàng đối chiếu với các thông tin khác, do đó, được sử dụng để nhận dạng cá nhân cụ thể đó); (ii) Những tài liệu có chứa mã nhận dạng cá nhân.

Tại Việt Nam, Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định: “Dữ liệu cá nhân là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm”.

Trên thực tế, tất cả các quốc gia ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đều xây dựng định nghĩa dữ liệu cá nhân⁵. Nhìn chung, các nhà lập pháp tiếp cận khái niệm dữ liệu cá nhân theo hướng liệt kê nhưng không giới hạn các thông tin nhằm xác định hoặc định dạng một thể nhân cụ thể. Từ đó, có thể thấy, những đặc điểm chung nhất của dữ liệu cá nhân như sau:

Thứ nhất, dữ liệu cá nhân của mỗi cá nhân mang tính đặc thù, gắn liền với từng con người cụ thể. Bởi vì, dữ liệu cá nhân là tập hợp những thông tin về một con người xác định, gắn với họ từ khi sinh ra, mở rộng cùng quá trình phát triển của cá nhân đó. Những thông tin đơn lẻ giữa các cá nhân có thể giống nhau (như tên, nhóm máu, ngày sinh...) nhưng bộ tập hợp của các thông tin hình thành dữ liệu cá nhân của mỗi cá nhân lại không thể trùng lặp (theo xác suất thống kê) và giúp phân biệt giữa các cá nhân. Đồng thời, xuất phát từ bản chất là một dạng “thông tin” nên dữ

liệu cá nhân có tính vô hình.

Thứ hai, dữ liệu cá nhân gắn với hình thái công nghệ. Chính bởi đặc tính vô hình nên dữ liệu cá nhân cần được ghi nhận bằng cách thức mà con người có thể cảm nhận bằng giác quan như chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh..., tức là vật chất hóa dữ liệu cá nhân. Cùng với lượng lớn thông tin về dữ liệu cá nhân phát sinh hàng giờ, ứng dụng công nghệ nhằm ghi nhận thông tin dữ liệu cá nhân là bắt buộc. Công nghệ có thể dưới dạng điện tử, dạng từ tính hoặc bất kỳ dạng nào khác.

Một điểm chung khác giữa các khu vực pháp lý về dữ liệu cá nhân đó là nỗ lực của cơ quan quản lý trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, bởi gắn chặt với yếu tố quyền riêng tư và rộng hơn là quyền con người, đồng thời bảo đảm giá trị dữ liệu cá nhân được khai thác hợp pháp trong nền kinh tế số. Theo nghiên cứu, dữ liệu cá nhân được bảo vệ dưới góc độ đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) có thể đáp ứng cả hai yêu cầu trên.

2.2. Thách thức đặt ra giữa bảo vệ và khai thác dữ liệu cá nhân

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 411/QĐ-TTg) đã nhấn mạnh, Việt Nam “cần nhanh chóng nắm bắt, hành động mạnh mẽ để phát triển kinh tế số”, trong đó, cụm từ “dữ liệu” được nhắc đến 108 lần, cho thấy dữ liệu chính là trung tâm của kinh tế số, nhằm tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế. Trong sự đa dạng và phong phú của dữ liệu, dữ liệu cá nhân là thành phần đặc biệt quan trọng, đa giá trị như quyền con người, xã hội, chính trị, kinh tế. Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng về người dùng internet nhanh trên thế giới. Theo thống kê, có 77,93 triệu người dùng internet tại Việt Nam vào tháng 01/2023,

tỷ lệ sử dụng internet của Việt Nam ở mức 79,1% trên tổng dân số vào đầu năm 2023⁶. Con số trên cho thấy, nguồn dữ liệu cá nhân khổng lồ có thể tham gia vào kinh tế số tại Việt Nam. Bên cạnh những triển vọng, những thách thức pháp lý trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời, khai thác hiệu quả giá trị dữ liệu đang đặt ra đối với các nhà hoạch định chính sách, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thứ nhất, dữ liệu cá nhân có thể là đối tượng của quan hệ tài sản hay không?

Khi nhắc đến dữ liệu cá nhân, các nhà nghiên cứu thường gắn liền với quyền riêng tư, do đó, đây là quyền nhân thân. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền nhân thân, quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác; đồng thời, cũng cấm việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân trừ khi được chủ thể thông tin cho phép hoặc trường hợp pháp luật quy định khác⁷. Tuy nhiên, dữ liệu cá nhân có ngoại diện rộng hơn rất nhiều⁸ và điều này dẫn đến nhiều dữ liệu cá nhân không thuộc thông tin về nhân thân, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Vì thế, trong nhiều trường hợp, dữ liệu cá nhân hoàn toàn có thể là đối tượng của quan hệ tài sản. Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định: “Xử lý dữ liệu cá nhân là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân, như: Thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan” hay trường hợp chuyển giao dữ liệu cá nhân khi doanh nghiệp sở hữu dữ liệu cá nhân bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất (khoản 3 Điều 16), tức là phần nào thừa nhận dữ liệu cá nhân là đối tượng trong quan hệ pháp luật chuyển giao dữ liệu cá nhân. Hay

nhệm vụ trọng tâm của dữ liệu số trong phát triển nền móng kinh tế số tại Quyết định số 411/QĐ-TTg đã nhấn mạnh: “Rà soát, sửa đổi, ban hành mới quy định, chính sách về tài sản dữ liệu, mua bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu...” (điểm b Tiểu mục 4 Mục IV).

Nhật Bản cũng có những quy định tương tự. Đạo luật Bảo vệ thông tin cá nhân Nhật Bản có những quy định nhằm bảo vệ quyền của chủ thể dữ liệu khá chi tiết và chặt chẽ, như người kiểm soát thông tin cá nhân phải thông báo cho chủ thể dữ liệu về mục đích sử dụng trước khi thu thập thông tin cá nhân; phải có được sự đồng ý trước khi thu thập nếu thông tin cá nhân nhạy cảm, sẽ được chuyển xuyên biên giới và/hoặc nếu dữ liệu được chuyển cho bên thứ ba; các chế tài và vai trò quản lý của cơ quan nhà nước (Ủy ban Bảo vệ)⁹... Nhưng đồng thời, cho phép các công ty mua bán dữ liệu cá nhân đã được ẩn danh hoặc được xử lý, tổng hợp nhằm khuyến khích việc sử dụng dữ liệu cá nhân. Mục đích của Đạo luật hướng tới là bên cạnh việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, có thể khai thác tính hữu ích của dữ liệu cá nhân trong thời đại mới, do đó, dữ liệu cá nhân được xem xét như là đối tượng của quan hệ tài sản và đối tượng này chịu sự tác động/chấp thuận của nhiều bên (chủ thể dữ liệu, cơ quan quản lý).

Thứ hai, nếu dữ liệu cá nhân có thể là đối tượng của quan hệ tài sản, dữ liệu cá nhân được sắp xếp vào nhóm tài sản nào?

Dữ liệu cá nhân không thể tách rời với một con người cụ thể và hoàn toàn khác biệt với những tài sản hữu hình truyền thống như vật, tiền hay giấy tờ có giá¹⁰. Về bản chất, dữ liệu cá nhân là vô hình nhưng được vật chất hóa thông qua những hình thức nhất định (tài khoản, mã số, giấy tờ chứng minh...) và bởi dữ liệu cá nhân phải gắn liền với chủ thể xác định, do đó, cần xem xét dữ liệu cá nhân dưới góc độ quyền tài sản - quyền đối với dữ liệu cá nhân. Theo Ủy ban

châu Âu, quyền đối với dữ liệu cá nhân bao gồm (nhưng không giới hạn) các nội dung sau: (i) Quyền sở hữu những thông tin cá nhân, bao gồm quyền yêu cầu chỉnh sửa nhằm bảo đảm tính đúng đắn, đầy đủ thông tin của mình; (ii) Quyền cho phép bên thứ ba tiếp cận thông tin của mình; (iii) Quyền yêu cầu các bên liên quan bảo đảm tính bí mật của thông tin; (iv) Quyền yêu cầu chủ thể nắm giữ dữ liệu bồi thường khi có hành vi xâm phạm thông tin trái pháp luật¹¹. Tại Điều 9 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, các nhà lập pháp cũng đã liệt kê 11 quyền của chủ thể dữ liệu, bao gồm: Quyền được biết; quyền đồng ý; quyền truy cập; quyền rút lại sự đồng ý; quyền xóa dữ liệu; quyền hạn chế xử lý dữ liệu; quyền cung cấp dữ liệu; quyền phản đối xử lý dữ liệu; quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại; quyền tự bảo vệ. Nhiều quyền trên đạt đủ tiêu chí của quyền tài sản.

Điều 115 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng SHTT, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác”. Các nhà lập pháp Việt Nam nhìn nhận điểm cốt lõi của quyền tài sản là đặc điểm “trị giá được bằng tiền” - tức gắn với lợi ích vật chất và có thể trở thành đối tượng của quan hệ tài sản. Tính có giá trị của quyền đối với dữ liệu cá nhân là điều không cần bàn cãi. Trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế kỹ thuật số của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) năm 2020¹² khẳng định giá trị to lớn của dữ liệu cá nhân trong nền kinh tế và nhấn mạnh trách nhiệm của các quốc gia thành viên khi khai thác dữ liệu cần bảo đảm quyền riêng tư của chủ thể dữ liệu cá nhân. Hoặc những vụ việc thực tế liên quan đến mua bán dữ liệu cá nhân¹³ (chắc chắn là bất hợp pháp) nhưng cũng là cơ sở cho nhận định chủ thể sở hữu dữ liệu cá nhân hợp pháp hoàn toàn có thể khai thác lợi ích từ quyền đối với dữ liệu cá nhân.

Khi nhìn nhận quyền đối với dữ liệu cá nhân như một quyền tài sản, có thể nhận thấy, những điểm

tương đồng nhất định với một số đối tượng bảo hộ của quyền SHTT như sau: (i) Dữ liệu cá nhân và các đối tượng bảo hộ SHTT đều có tính vô hình và không thể tách rời với chủ thể dữ liệu/chủ thể sáng tạo, do đó, các quyền phát sinh trong quan hệ bảo hộ sẽ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản; (ii) Dữ liệu cá nhân và các đối tượng bảo hộ phải được vật chất hóa bằng hình thức nhất định (hình ảnh, tệp dữ liệu, chương trình, âm thanh, sản phẩm...); (iii) Tương tự như dữ liệu cá nhân, có hai chủ thể liên quan chặt chẽ là chủ thể dữ liệu và chủ thể nắm giữ dữ liệu, đối tượng SHTT cũng gắn với hai tư cách chủ thể là tác giả (người sáng tạo ra đối tượng) và chủ sở hữu (trong một số trường hợp hai tư cách này là một); (iv) Sự cân bằng lợi ích: Khung pháp luật SHTT luôn hướng tới điểm cân bằng giữa chủ thể sáng tạo (tác giả), chủ sở hữu, lợi ích công cộng (ba bên); nếu pháp luật bảo hộ quá chặt chẽ đồng nghĩa với việc mọi người trong xã hội khó được tiếp cận/sử dụng những sáng tạo mới của tri thức, ngược lại, bảo hộ lỏng lẻo sẽ phương hại tới chủ thể sáng tạo hoặc chủ sở hữu khó khai thác được giá trị mà tài sản SHTT đem lại. Tương tự, vướng mắc chính của dữ liệu cá nhân hiện tại chính là mối quan hệ pháp lý bất cân xứng giữa chủ thể dữ liệu, chủ thể nắm giữ dữ liệu và lợi ích công.

Từ những nhận định trên, nghiên cứu cho rằng, cần xem xét cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân dưới góc độ pháp luật SHTT bên cạnh các cơ chế bảo vệ truyền thống dữ liệu cá nhân như hình sự, dân sự, hành chính để: (i) Chủ thể dữ liệu có thể bảo vệ một cách đầy đủ cũng như tận dụng tính hữu ích dữ liệu cá nhân của chính mình; (ii) Chủ thể nắm giữ dữ liệu “yên tâm” khai thác lợi ích vật chất từ dữ liệu cá nhân; (iii) Nhà nước bảo đảm yếu tố cân bằng giữa lợi ích tư và công, giữa xã hội số và kinh tế số.

3. Nội dung bảo hộ dữ liệu cá nhân bằng quyền tác giả

Khoản 2 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa

đổi, bổ sung các năm 2009, 2019 và 2022) (gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005) quy định quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Bản chất của quyền tác giả là cơ chế bảo hộ tự động mà Nhà nước cấp cho chủ thể sáng tạo, chủ sở hữu chống lại việc sử dụng trái phép các tác phẩm sáng tạo gốc. Trong mối tương quan với dữ liệu cá nhân, bảo hộ thông qua quyền tác giả được lý giải như sau:

Thứ nhất, tương quan giữa tác giả và chủ thể dữ liệu: Tác giả là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm¹⁴, nói cách khác, tác phẩm xuất phát từ chính bản thân người sáng tạo, bản chất là những “thông tin” được người sáng tạo sắp xếp và thể hiện dưới hình thức vật chất. Dữ liệu cá nhân thường không mang tính sáng tạo, tuy nhiên, có bản chất gắn chặt với chủ thể dữ liệu. Khi quyền tác giả được xác lập với mục đích bảo vệ các ý tưởng sáng tạo của tác giả, có thể lập luận rằng, việc bảo vệ các ý tưởng sáng tạo xuất phát từ nhu cầu ngăn chặn các mối đe dọa khai thác thương mại. Tương tự, việc bảo hộ dữ liệu cá nhân tương tự như tác phẩm sáng tạo được đặt ra dựa trên đòi hỏi ngăn chặn các mối đe dọa đối với người dùng từ những chủ thể nắm giữ dữ liệu khai thác thông tin cá nhân để kiếm lợi.

Thứ hai, bảo hộ hình thức không bảo hộ nội dung. Đặc trưng cơ bản của quyền tác giả đó là bảo hộ hình thức thể hiện của ý tưởng sáng tạo, xuất hiện đồng thời với hình thức thể hiện mà không phụ thuộc vào yếu tố nội dung hay chất lượng của tác phẩm.

Dựa theo đặc điểm thứ hai của dữ liệu cá nhân thì dữ liệu cá nhân (tương tự như ý tưởng sáng tạo) mang tính vô hình nhưng ngay khi được vật chất hóa dưới hình thức cụ thể (dạng điện tử, dạng từ tính hoặc bất kỳ dạng nào khác) thì quyền tác giả đối với dữ liệu cá nhân cũng xuất hiện. Đồng nghĩa chủ thể dữ liệu sẽ phát sinh quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân là những quyền gắn liền với tác giả/

chủ thể dữ liệu¹⁵ bao gồm quyền nhân thân phi tài sản (không thể chuyển giao) và quyền nhân thân gắn với tài sản (có thể chuyển giao). Chủ thể dữ liệu khi được trao quyền nhân thân như trên sẽ phần nào trao sự chủ động cho cá nhân quyết định thông tin nào sẽ tiết lộ và thông tin nào cần bảo vệ vì lý do riêng tư - dữ liệu cá nhân gắn với quyền nhân thân phi tài sản, chỉ có chủ thể dữ liệu có quyền (như quyền được biết, quyền đồng ý...); quyền nhân thân phi tài sản, quyền tài sản để chuyển giao, tận dụng lợi ích khác của dữ liệu.

Cùng với việc lưu trữ dữ liệu cá nhân dưới dạng điện tử, pháp luật SHTT Việt Nam nói riêng và pháp luật SHTT các quốc gia nói chung đều có quy định về quyền tác giả đối với chương trình máy tính và các bộ sưu tập dữ liệu. Dưới tác động của Công ước Berne năm 1971 về việc bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật và Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền SHTT (Hiệp định TRIPS), các chương trình máy tính dù dưới dạng mã nguồn hay mã máy đều phải được bảo hộ như tác phẩm văn học theo Công ước Berne năm 1971; các bộ sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác dù dưới dạng đọc được bằng máy hay dưới dạng khác, mà việc tuyển chọn hoặc sắp xếp nội dung chính là thành quả của hoạt động trí tuệ đều phải được bảo hộ. Việc bảo hộ nói trên, với phạm vi không bao hàm chính các dữ liệu hoặc tư liệu đó, không được làm ảnh hưởng tới bản quyền đang tồn tại đối với chính dữ liệu hoặc tư liệu đó (Điều 10 Hiệp định TRIPS).

Thứ ba, bảo hộ một cách tự động, có nghĩa quyền tác giả phát sinh ngay khi tác phẩm ra đời mà không cần đơn yêu cầu công nhận, không phải trải qua bất kỳ thẩm định nào của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay bất kỳ thủ tục đăng ký nào (chỉ trừ một số ngoại lệ). Theo đó, bảo hộ tự động giúp cho chủ thể dữ liệu mặc nhiên phát sinh quyền đối với dữ liệu cá nhân, cũng dẫn đến mặc nhiên phát sinh các cơ chế bảo vệ (dân sự, hình sự, hành chính). Cách tiếp

cận này sẽ cung cấp cho các cá nhân cách thực hiện quyền kiểm soát nhiều hơn đối với thị trường dữ liệu cá nhân mà hiện tại họ không được hưởng, cũng như ngăn chặn việc làm giàu bất chính của chủ thể nắm giữ dữ liệu.

Thứ tư, về thời hạn bảo hộ: Quyền tác giả vẫn được bảo hộ ngay cả khi tác giả đã qua đời. Cơ chế đặc biệt này của quyền tác giả sẽ phần nào gỡ vướng cho những câu hỏi về việc xử lý dữ liệu cá nhân khi chủ thể dữ liệu đã chết. Xuất phát từ đặc trưng của quyền nhân thân và quyền tài sản, một số quyền nhân thân có thể được bảo hộ vô thời hạn tương ứng với những dữ liệu cá nhân mà chủ thể dữ liệu muốn bảo đảm quyền riêng tư tuyệt đối. Đối với quyền nhân thân gắn với tài sản, quyền tài sản, nhà làm luật hoàn toàn có thể xác lập một khoảng thời hạn hợp lý (không nhất thiết là 50 năm như quyền tác giả) để giá trị vật chất của dữ liệu cá nhân vẫn tiếp tục được khai thác. Khi hết thời hạn này, các quyền nhân thân gắn với tài sản, quyền tài sản của dữ liệu cá nhân chấm dứt và dữ liệu cá nhân thuộc về cộng đồng chung hoặc chính cơ quan đại diện cho lợi ích công là Nhà nước.

Thứ năm, giới hạn quyền: Quyền tác giả không phải quyền tuyệt đối mà tồn tại những giới hạn nhất định. Pháp luật SHTT đặt ra nhóm giới hạn đối với các quyền SHTT nói chung và giới hạn riêng cho quyền tác giả¹⁶. Các giới hạn đối với các quyền SHTT nói chung thể hiện mối tương quan giữa tác giả, chủ sở hữu với đại diện lợi ích công là Nhà nước, giới hạn riêng cho quyền tác giả thể hiện mối tương quan giữa tác giả, chủ sở hữu với bên thứ ba liên quan. Tương tự, đối với dữ liệu cá nhân, chủ thể dữ liệu sẽ bị hạn chế quyền chung đối với dữ liệu cá nhân của mình: (i) Trong phạm vi và thời hạn bảo hộ; (ii) Không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; (iii) Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà

nước, xã hội thì Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể dữ liệu thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể dữ liệu phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp. Trong mối quan hệ với bên thứ ba, bên thứ ba có thể không phải xin phép chủ thể dữ liệu đối với những dữ liệu cá nhân công khai nhưng phải trả cho chủ thể dữ liệu một khoản phí nhất định.

Vấn đề phí bản quyền/phí dữ liệu là cách thức hữu ích ở khía cạnh thương mại của dữ liệu. Thị trường có một công cụ hiệu quả, cụ thể là cơ chế giá, qua đó, các cá nhân có thể chủ động về việc ai có thể sử dụng dữ liệu cá nhân nào của họ và ở mức độ nào. Người mua ở khu vực tư nhân tất nhiên sẽ quan tâm hơn đến giá cả, phải đặt lên bàn cân so sánh giữa chi phí bỏ ra (mua dữ liệu cá nhân) và lợi ích thu về (sử dụng dữ liệu cá nhân phục vụ hoạt động kinh tế). Thực tế cho thấy, thị trường có thể hoạt động tốt đối với các loại tài sản mới (như tiền ảo), thì có lẽ nó cũng có tác dụng đối với các giao dịch về dữ liệu cá nhân.

Những lập luận nêu trên mới chỉ thể hiện những điểm tương đồng và lợi ích nổi bật khi bảo vệ dữ liệu cá nhân bằng cơ chế quyền tác giả (hoặc cơ chế tương tự như quyền tác giả). Phạm vi quy định của quyền tác giả rất rộng lớn, chưa kể đến các quyền liên quan quyền tác giả, nhưng hướng tiếp cận này có thể là gợi mở cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách về dữ liệu cá nhân.

4. Phương thức bảo hộ dữ liệu cá nhân bằng quyền sở hữu trí tuệ

Ngoài khía cạnh nội dung, hoạt động thực thi nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng đang là thách thức lớn. Vấn đề trong việc quản lý sử dụng dữ liệu cá nhân nằm ở chỗ một người không bao giờ hoàn toàn sở hữu hoặc kiểm soát việc sử dụng thông tin cá nhân của mình một khi dữ liệu của người đó đã xuất hiện trên internet hoặc mạng xã hội, cũng như phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khó có

thể bao trùm toàn bộ. Bởi vậy, khi bảo vệ dữ liệu cá nhân bằng quyền tác giả, hoàn toàn có thể áp dụng những phương thức bảo vệ hữu hiệu đang có. Đồng thời, những vấn đề phát sinh bởi công nghệ hoàn toàn có cách thức giải quyết bằng chính công nghệ. Do đó, vướng mắc khi bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số có thể khắc phục bởi những công nghệ 4.0, điển hình như blockchain và hợp đồng thông minh (smart contract hay blockchain 2.0).

Blockchain là một sổ cái dữ liệu mở có thể được sử dụng để ghi lại và theo dõi các giao dịch, đồng thời được truyền và xác minh qua mạng ngang hàng¹⁷. Thông tin trên blockchain không bị kiểm soát bởi một cơ quan trung ương như Chính phủ hay thiết chế tư như tập đoàn, doanh nghiệp, cá nhân mà được lưu trữ trên một sổ cái phân tán và minh bạch, được mạng lưới người dùng cập nhật liên tục và rất khó để người dùng thao túng hoặc kiểm soát thông tin trên block. Khi chủ thể dữ liệu đăng ký trên blockchain, một bản ghi kỹ thuật số hoặc mã thông báo duy nhất sẽ được tạo và bảo mật bằng thuật toán mã hóa để đảm bảo rằng, nó không thể bị sao chép hoặc sửa đổi nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu. Sau đó, quyền sở hữu hoặc quyền kiểm soát thông tin được chuyển giao thông qua các giao dịch ngang hàng trên mạng blockchain và được ghi lại trên sổ cái phân tán, cung cấp bản ghi minh bạch và chống giả mạo về tất cả các lần chuyển quyền sở hữu. Điều này có nghĩa là không cần các thiết chế trung gian như cơ quan quản lý, đại lý, ngân hàng, luật sư để xác thực hoặc thực thi việc chuyển quyền sở hữu vì việc này sẽ được thực hiện bởi mạng lưới người dùng trên blockchain. Điều quan trọng là có thể truy dấu vết các giao dịch, qua đó, giúp chủ thể dữ liệu biết được dữ liệu cá nhân của mình đã được chuyển giao đến bên thứ ba nào (kể cả khi chủ thể nắm giữ dữ liệu không công khai).

Hợp đồng thông minh (blockchain 2.0)¹⁸ cũng là cách thức hữu hiệu để tăng khả năng kiểm soát của

chủ thể dữ liệu, thậm chí là công cụ đặc lực cho chủ thể dữ liệu khai thác dữ liệu cá nhân. Những thông tin liên quan đến dữ liệu cá nhân (trong phạm vi được bảo vệ) có thể được mã hóa ở dạng kỹ thuật số. Khi các tiêu chí nhất định được thỏa mãn (các lệnh code được mã hóa và xác thực bởi các nút trong blockchain), hợp đồng thông minh sẽ tồn tại trên blockchain và thực thi các chức năng, chẳng hạn như cấp quyền truy cập vào thông tin được ghi trên khối¹⁹. Nhờ vậy, chủ thể dữ liệu có thể cung cấp giấy phép cho người dùng muốn truy cập dữ liệu cá nhân bằng cách xác thực chữ ký số của người dùng bằng chức năng này, ngược lại, chủ sở hữu cũng có thể sử dụng phương pháp này để từ chối quyền truy cập của ai đó vào dữ liệu cá nhân của họ. Cũng thông qua hợp đồng thông minh, thanh toán cho các giao dịch sẽ được chuyển về ví của chủ thể dữ liệu ngay lập tức mà không cần thông qua bất kỳ khâu trung gian nào.

Cùng với tốc độ phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, những công nghệ mới sẽ mang tính liên ngành (tức là một công nghệ có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau) và tính kết nối (tức là không chỉ áp dụng một công nghệ mà nhiều công nghệ trong điều chỉnh một khía cạnh)²⁰. Do đó, không chỉ blockchain, hợp đồng thông minh mà các công nghệ khác như trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật có thể được khai thác nhằm giúp chủ thể dữ liệu bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Kết luận

Dữ liệu là một loại dầu mỏ mới²¹. Song hành cùng với bảo vệ dữ liệu cá nhân thì khai thác dữ liệu là cơ sở cho sự phát triển của kinh tế số, với tầm nhìn để Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, thích ứng và kiên cường trước các thách thức trong thế giới nhiều biến động khó dự báo trước (Quyết định số 411/QĐ-TTg). Việc nhìn nhận và bảo vệ dữ liệu cá nhân dưới góc độ quyền SHTT là một trong những đề xuất mang tính gợi mở trước những yêu cầu

cấp thiết đang đặt ra đối với dữ liệu cá nhân hiện nay. Và trên hết, trong lúc chờ đợi những sáng kiến lập pháp hoặc những khuyến nghị về thực thi nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân, chúng ta có thể tận dụng những công cụ sẵn có, trong đó có pháp luật SHTT và các công nghệ mới

1. DLA Piper Intelligence, *Data protection laws of the world*, https://www.dlapiperdataprotection.com/#handbook/about-section/c1_EN.
2. Onetrust DataGuidance, *Comparing Privacy Laws*, <https://www.dataguidance.com/advisories/global-privacy-laws>.
3. Điều 4 GDPR, <https://gdpr.eu/article-4-definitions/>.
4. Đạo luật Bảo vệ thông tin cá nhân Nhật Bản (Act on the Protection of Personal Information - APPI) ban hành năm 2003 và qua nhiều lần sửa đổi, lần gần nhất là vào năm 2017 và 2020, <https://usercentrics.com/knowledge-hub/japan-act-on-protection-of-personal-privacy-appi/>.
5. Xem Onetrust DataGuidance - nền tảng nghiên cứu dữ liệu ở khía cạnh pháp lý cung cấp cách so sánh toàn diện nhất các luật về quyền riêng tư trên toàn thế giới, cập nhật thông tin pháp lý về quyền riêng tư trên toàn thế giới hàng tuần, <https://www.dataguidance.com/>.
6. VNIS, *Thống kê Internet Việt Nam 2023*, <https://www.vnis.vn/news/thong-ke-internet-viet-nam-2023/>.
7. Trường hợp khác: Quyền công bố tác phẩm là quyền nhân thân trong quyền tác giả có thể chuyển giao cho chủ thể khác.
8. Dựa theo các tiêu chí, có thể phân loại dữ liệu cá nhân thành nhiều nhóm: (i) Dựa theo tính bí mật, dữ liệu cá nhân gồm dữ liệu cá nhân bảo mật và dữ liệu cá nhân công khai; (ii) Dựa theo nguồn gốc hình thành, dữ liệu cá nhân gồm dữ liệu cá nhân xuất phát từ chủ thể dữ liệu và dữ liệu cá nhân được cấp phát định danh bởi chủ thể khác (Nhà nước, ngân hàng, bảo hiểm xã hội...); (iii) Dựa theo kết cấu và lưu trữ, dữ liệu cá nhân gồm dữ liệu cá nhân đơn giản và dữ liệu cá nhân phức tạp.
9. Ban Thư ký Nội các, <https://www.cas.go.jp/jp/seisaku/hourei/data/APPI.pdf>.
10. Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”.
11. European Commission, *Data protection in the EU*, https://commission.europa.eu/law/law-topic/data-protection/data-protection-eu_en.
12. Báo cáo này xem xét các xu hướng, phân tích các cơ hội và thách thức mới nổi trong nền kinh tế kỹ thuật số, trong đó, vấn đề dữ liệu cá nhân là một trong những trọng tâm quan trọng (OECD Digital Economy Outlook 2020, https://www.oecd-ilibrary.org/science-and-technology/oecd-digital-economy-outlook-2020_153ac49f-en).
13. Yên Chi, *Mua bán dữ liệu cá nhân online: Ngày một tinh vi*, <https://cand.com.vn/Khoa-hoc-Ky-thuat-hinh-su/mua-ban-du-lieu-ca-nhan-online-ngay-mot-tinh-vi-i701635/>.
14. Điều 12a Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.
15. Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.
16. Điều 7, Điều 26 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005.
17. WIPO, *Blockchain and Intellectual Property*, <https://www.wipo.int/cws/en/blockchain-and-ip.html>.
18. Techtarget, *Smart contract*, <https://www.techtargget.com/searchcio/definition/smart-contract>.
19. Gönenç Gürkaynak, İlay Yılmaz, Burak Yesilaltay, Berk Bengi, *Intellectual Property Law and practice in the blockchain realm*, *Computer Law and Security Review* (2018), Volume 34, Issue 4, page 860.
20. MDPI, *Artificial Intelligence and Blockchain Technology for Smart Cities*, https://www.mdpi.com/journal/futureinternet/special_issues/I2E3L9O0PD.
21. Forbes, *Is data the new oil?*, <https://www.forbes.com/sites/perryrotella/2012/04/02/is-data-the-new-il/?sh=4104c12e7db3>.